

Số: 14123 /QĐ-UBND

Phú Tân, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;



Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-SNNPTNT ngày 06 tháng 09 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách trung ương Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân.

Căn cứ Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Phú Tân về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân;

Xét Tờ trình số 1132/TTr-TCKH ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân, như sau:

1. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Tổng số danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân là 94 danh mục dự án với số vốn 138.646 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương : 117.543 triệu đồng
- Nguồn vốn khác : 21.103 triệu đồng

(Chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân.

Phương án phân bổ kế hoạch vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân

cho 16 xã và danh mục Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tổng số nguồn vốn trung ương là 117.543 triệu đồng theo tiêu chí như sau:

- 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn trước năm 2021 gồm các xã Tân Hoà, Phú Bình, Phú Lâm, Hiệp Xương, Phú Hưng, Bình Thạnh Đông, Phú Thạnh: Hệ số thực hiện nguồn vốn hỗ trợ ngân sách trung ương năm 2021 là hệ số 1,0; năm 2022-2025 hệ số 1,0 với số vốn cho mỗi xã 3.014 triệu đồng.

- 04 xã thực hiện tiêu chí nông thôn mới đến 31/12/2021 đạt từ 15 đến 18 tiêu chí gồm các xã Phú Thọ, Tân Trung, Phú Hiệp, Phú Thành: Hệ số thực hiện nguồn vốn hỗ trợ ngân sách trung ương năm 2021 là hệ số 1,3; năm 2022-2025 hệ số 3,0 với số vốn cho mỗi xã 8.013 triệu đồng.

- 05 xã thực hiện tiêu chí nông thôn mới đến 31/12/2021 đạt dưới 15 tiêu chí gồm các xã Long Hoà, Phú Long, Hoà Lạc, Phú An, Phú Xuân: Hệ số thực hiện nguồn vốn hỗ trợ ngân sách trung ương năm 2021 là hệ số 1,0; năm 2022-2025 hệ số 5,0 với số vốn cho mỗi xã 12.649 triệu đồng. (Riêng xã Phú Xuân, Hoà Lạc 12.648 triệu đồng do làm tròn số vốn được tính cấp).

- Danh mục Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang với số vốn 1.150 triệu đồng.

Điều 2. Căn cứ vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân được điều chỉnh. UBND huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng chi tiết phương án kế hoạch đầu tư công từng năm trong giai đoạn 2021-2025 báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định theo quy định.

1. Giao Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo vốn, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng mục tiêu kế hoạch vốn được giao, tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Yêu cầu các phòng, ban, ngành, UBND các xã và chủ đầu tư, căn cứ vào mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn tổ chức thực hiện:

- Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt; chỉ được trình và quyết định chủ trương đầu tư theo đúng thẩm quyền và đã xác định rõ nguồn vốn, khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; chỉ được thực hiện theo đúng kế hoạch vốn cấp.

- Chủ động xác định điểm dừng kỹ thuật, phê duyệt điều chỉnh quy mô dự án phù hợp với mức vốn được giao.

- Tập trung thanh toán công trình chuyển tiếp, kịp thời thanh toán khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu. Các dự án khởi công mới chỉ được thi công theo kế hoạch vốn cấp để tránh phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Chủ đầu tư cần thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để giám sát chặt chẽ tiến độ thi công, chất lượng và khối lượng công trình, giá trị

xây lắp hoàn thành. Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc đến cơ quan chức năng có liên quan để được hướng dẫn, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Phú Tân.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân, Thủ trưởng các Ban, ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3; (để thực hiện)
- TT.HU và HĐND huyện; (báo cáo)
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & ĐT; (báo cáo)
- Sở NN & PTNT; VP ĐPNTM tỉnh; (báo cáo)
- Kho bạc NN huyện (thực hiện);
- Các thành viên UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Tuyết Minh

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MIQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ TÂN

Kèm theo Quyết định số: 14123 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Phú Tân

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh			Tăng (+) giảm (-)		Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG (H+I)					125.560	139.395	117.543	21.852	138.646	117.543	21.103	-749	0	-749		
I	DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÁC XÃ					125.560	138.195	116.393	21.802	137.446	116.393	21.053	-749	0	-749		
	Xã Tân Hòa (NTM 2015)					2.099	3.125	3.014	111	3.125	3.014	111	0	0	0		
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào trường THCS Tân Hòa	Tân Hoà	412m	2022-2024	20/06/QĐ-UBND ngày 25/6/2023	412	412	400	12	412	400	12	0	0	0	UBND xã Tân Hoà	
2	Cải tạo môi trường khu vực xã đội (SLMB hầm ở nhiệm vụ) + hàng rào	Tân Hoà	San lấp 518,05m ² , hàng rào 48,3m	2022-2024	2440/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	523	523	512	11	523	495	28	-17	17	0	UBND xã Tân Hoà	
3	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đặt đèn chiếu sáng tuyến TL954)	Tân Hoà	114 Đèn năng lượng	2022-2024	2434/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	769	769	751	18	769	751	18	0	0	0	UBND xã Tân Hoà	
4	Cải tạo hệ thống cống thoát nước KDC Bắc Cái Đằm và KDC Mỹ Hoà 2	Tân Hoà	Cải tạo	2023-2025		990	990	940	50	1.026	991	35	36	51	-15	UBND xã Tân Hoà	
5	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đặt đèn chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã)	Tân Hoà	80 đèn năng lượng	2023-2025	2596/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	395	431	411	20	395	377	18	-36	-34	-2	UBND xã Tân Hoà	
	Xã Phú Bình (NTM 2016 - NC 2019)					2.594	3.123	3.014	109	3.123	3.014	109	0	0	0		
6	Cải tạo cảnh quan nông thôn (công viên Bình Phú)	Phú Bình	592m ²	2022-2023	1282/QĐ-UBND ngày 20/4/2023; 4646/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	850	925	912	13	925	912	13	0	0	0	UBND xã Phú Bình	
7	Nâng cấp, sửa chữa sân bóng đá Phú Bình	Phú Bình	San lấp mặt bằng (8.864m ²), làm đường dẫn vào sân	2023-2025	2308/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	1.744	1.928	1.845	83	1.581	1.498	83	-347	-347	0	UBND xã Phú Bình	
8	Nâng cấp, láng nhựa đoạn từ công Phú Bình đến Trạm Y Tế cũ	Phú Bình	Nâng cấp, láng nhựa	2024-2025		270	270	257	13				-270	-257	-13	UBND xã Phú Bình	giảm
9	Nâng cấp, láng nhựa đường Bình Tây 1 Bờ Bắc Mương Khai	Phú Bình	Nâng cấp, láng nhựa	2025			617	604	13			13			0	UBND xã Phú Bình	Bổ sung

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:							
					Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác								
	Xã Phú Lâm (NTM 2017-NTMNC 2022)				3.206	3.320	3.014	306	3.307	3.014	293	-13	0	-13						
10	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Công viên khu dân cư 13)	Phú Lâm	1.321,2m2	2022-2023	2422/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	1.124	1.124	1.022	102	1.124	1.022	102	0	0	0	0	UBND xã Phú Lâm			
11	Cải tạo cảnh quan nông thôn (hệ thống đèn chiếu sáng TL954	Phú Lâm	75 bộ	2023-2025	1273/QĐ-UBND ngày 19/04/2023	717	717	658	59	717	658	59	0	0	0	0	UBND xã Phú Lâm			
12	Nâng cấp sân thể thao xã	Phú Lâm	xây mới hàng rào lưới B40, nhà vệ sinh	2023-2025		1.043	1.144	1.077	67	1.144	1.077	67	0	0	0	0	UBND xã Phú Lâm			
13	Bê tông đường cô ông Thuận	Phú Lâm	248,7m	2023-2025	11487/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	322	335	257	78	322	257	65	-13	0	-13	0	UBND xã Phú Lâm			
	Xã Hiệp Xương (NTM 2018 - NC 2025)				2.591	3.171	3.014	157	3.159	3.014	145	-12	0	-12						
14	Cải tạo chợ Hiệp Xương	Hiệp Xương	Cải tạo đơn nền chợ, HT thoát nước, nhà vệ sinh, mái che	2022-2024	2359/QĐ-UBND ngày 30/06/2023	871	871	827	44	871	827	44	0	0	0	0	UBND xã Hiệp Xương			
15	Nâng cấp, mở rộng là đoạn từ trụ sở ủy ban đến Cờ Tiên	Hiệp Xương	1650m	2023-2024	2572/QĐ-UBND ngày 26/07/2023	588	588	560	28	588	560	28	0	0	0	0	UBND xã Hiệp Xương			
16	Nâng cấp, mở rộng là đoạn từ cầu Đình Hiệp Xương đến cầu Mương chùa	Hiệp Xương	2570m	2023-2025	2487/QĐ-UBND ngày 19/07/2023	1.132	1.132	1.075	57	1.120	1.063	57	-12	-12	0	0	UBND xã Hiệp Xương			
17	Cải tạo cảnh quan nông thôn. (Lắp đặt đèn chiếu sáng ấp Hiệp Hòa. Đoạn từ cầu Mương chùa đến Phú Hưng)	Hiệp Xương	Dài 4.000m Bộ đèn: 135 bộ	2024-2025		580	552	28	0	580	564	16	-580	-552	-28	0	UBND xã Hiệp Xương			
18	Cải tạo cảnh quan nông thôn. (Lắp đặt đèn chiếu sáng ấp Hiệp Thanh)	Hiệp Xương	Dài 4.000m	2025		580	564	16	580	564	16	0	0	0	0	0	UBND xã Hiệp Xương			
	Xã Phú Hưng (NTM 2019)				2.761	3.204	3.014	190	3.176	3.014	162	-28	0	-28						
19	Nâng cấp sân + lối đi - cải tạo hệ thống thoát nước chợ Phú Hưng	Phú Hưng	520m2	2022-2023	7033/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	460	460	437	23	460	437	23	0	0	0	0	UBND xã Phú Hưng			
20	Bê tông đường cỏ Ba Tầm + Năm Tánh và Bê tông vỉa hè bảo vệ thực vật	Phú Hưng	343,9 m mặt đường 2m	2022-2023	2418/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	463	463	440	23	463	440	23	0	0	0	0	UBND xã Phú Hưng			
21	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đèn chiếu sáng tuyến đường ấp Hưng Tân)	Phú Hưng	3km	2023	2417/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	588	588	560	28	588	560	28	0	0	0	0	UBND xã Phú Hưng			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Trong đó: Nguồn vốn khác	Trong đó: Nguồn vốn khác		
22	Bê tông đường cô Bày Đồi + Tư Bay + Bày Đò và bê chừa vô thuốc bảo vệ thực vật	Phù Hưng	422,8 m mặt đường 2m	2023-2025	4659/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	719	781	736	45	719	676	43	-62	-60	-2	UBND xã Phù Hưng			
23	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đèn chiếu sáng tuyến đường áp Hưng Thới 2)	Phù Hưng	1870m	2024-2025	13866/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	531	607	551	56	571	541	30	-36	-10	-26	UBND xã Phù Hưng			
24	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sau chợ Phù Hưng	Phù Hưng	Bê chừa, hệ thống cống	2024-2025			305	290	15	375	360	15	70	70	0	UBND xã Phù Hưng			
Xã Bình Thạnh Đông (NTM 2019)							3.185	3.014	171	3.196	3.014	182	11	0	11				
25	Đường dẫn sân thể thao và xây dựng hàng rào sân thể thao	Bình Thạnh Đông	158,5m	2022-2023	7119/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	391	276	257	19	276	257	19	0	0	0	UBND xã BTD			
26	Mở mới đường cô Tám Sam	Bình Thạnh Đông	993,8m	2022-2023	2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	918	904	860	44	904	860	44	0	0	0	UBND xã BTD			
27	Cải tạo tuyến đường áp Bình Tây 2	Bình Thạnh Đông	1960m	2023-2025	3292/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	1.339	1.323	1.255	68	1.210	1.142	68	-113	-113	0	UBND xã BTD			
28	Nâng cấp cải tạo sân vận động xã Bình Thạnh Đông	Bình Thạnh Đông	Hàng rào, khán đài, sân vận động	2024-2025			682	642	40	682	642	40	0	0	0	UBND xã BTD			
29	Bê tông đầu đường cô Kênh 19/5	Bình Thạnh Đông	55m	2025						124	113	11	124	113	11	UBND xã BTD			
Xã Phú Thạnh (NTM 2019)							3.203	3.014	189	3.203	3.014	189	0	0	0				
30	Bê tông đường cô 18 (giai đoạn 3)	Phú Thạnh	dài 920m; rộng 3m; dày 16cm	2022-2024	2307/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	1.209	1.209	1.150	59	1.209	1.150	59	0	0	0	UBND xã Phú Thạnh			
31	Bê tông đường cô 15 (giai đoạn 2)	Phú Thạnh	dài 920m; rộng 3m; dày 16cm	2022-2024	2309/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	1.217	1.217	1.157	60	1.179	1.119	60	-38	-38	0	UBND xã Phú Thạnh			
32	Tuyến nước sạch Gò Ba Gia (đoạn từ vùn phông áp đến kênh 3 xã)	Phú Thạnh	980m	2023-2025			193	175	18	193	175	18	0	0	0	UBND xã Phú Thạnh			
33	Cải tạo cảnh quan nông thôn (hệ thống đèn năng lượng led sau Phú Thạnh-từ cầu K16 đến ranh Chợ Vàm)	Phú Thạnh	1.800m	2023-2025			294	267	27	0			-294	-267	-27	UBND xã Phú Thạnh			
34	Cải tạo cảnh quan nông thôn (hệ thống đèn năng lượng led sau Phú Thạnh-từ cầu K16 đến ranh Phú Lâm)	Phú Thạnh	2.000m	2025						332	305	27	332	305	27	UBND xã Phú Thạnh			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (tức cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)		Chủ đầu tư	Chi chú	
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
							Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác					
35	Tuyến nước sạch bờ Nam K16 (doạn từ cầu lộ sau đến ranh Phú Thành)	Phú Thành	1.050m	2023-2025		290	265	25	290	265	25	0	0	0	0	0	0	0	0
	Xã Phú Thọ (NTM 2021)					8.248	8.406	393	8.406	8.013	393	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Nghĩa địa nhân dân	Phú Thọ	2.000 m2	2022-2023	2311/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	271	259	12	271	259	12	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Hệ thống đèn chiếu sáng đèn đường nam kênh Phú Hiệp)	Phú Thọ	4.200 m	2022-2023	2374/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	656	625	31	656	625	31	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Hệ thống đèn chiếu sáng đèn đường nam Phú Thọ)	Phú Thọ	1.800 m	2022-2023	2367/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	319	304	15	319	304	15	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Bê tông đường cỡ 5 Gầm	Phú Thọ	1927m, Mặt đường 2m	2022-2023	2038/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	1.844	1.757	87	1.844	1.757	87	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Bê tông đường cỡ 7 Chỉnh	Phú Thọ	2.267 m, Mặt đường 2m	2023-2024	2037/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	2.248	2.141	107	2.248	2.141	107	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Bê tông đường cỡ 4 Giới	Phú Thọ	2.368 m, Mặt đường 2m	2024-2025	1703/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	2.277	2.277	113	2.390	2.277	113	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Hệ thống nước sinh hoạt đồng kênh sùn Phú Thọ	Phú Thọ	2500m	2024-2025	12056/QĐ-UBND ngày 12/09/2024	633	650	28	678	650	28	0	0	0	0	0	0	0	0
	Xã Tân Trung (NTM 2023)					8.164	8.414	401	8.376	8.013	363	-38	0	-38	0	0	0	0	0
43	Nâng cấp, mở rộng các Tuyến đường giáp ranh Thị trấn Phú Mỹ đến ngã tư phà Thuận Giang.	Tân Trung	520 m	2022-2023	2430/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	1.008	962	46	1.008	962	46	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Nâng cấp, mở rộng Tuyến dân cư Mỹ Hòa 1 từ đầu đường 954 đến ngã ba Mươi Phong	Tân Trung	523m	2022-2023	7798/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	779	744	35	779	744	35	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Nâng cấp, láng nhựa các tuyến đường trên địa bàn xã Tân Trung	Tân Trung	Nâng cấp cải tạo đường	2023-2025	2769/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	4.998	4.760	238	4.850	4.612	238	-148	-148	0	-148	0	0	0	0
46	Lát gạch vỉa hè tuyến dân cư Tân Trung	Tân Trung	cảnh quan, xây mới vỉa hè	2024-2025	4712/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	823	990	50	823	811	12	-217	-179	-38	0	0	0	0	0
47	Sân chơi trường mẫu giáo Tân Trung	Tân Trung	Xây mới	2024-2025	13511/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	556	557	32	916	884	32	327	327	0	0	0	0	0	0

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)			Chú đầu tư	Ghi chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó:			
																Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		
	Xã Long Hòa (NTM 2025)					28.590	29.128	12.649	16.479	28.451	12.649	15.802	-677	0	-677				
48	San lấp, xây dựng công mương K7 và bê tông từ TL 954 đến lộ sau	Long Hoà	100m	2022-2023	2460/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	696	696	663	33	696	663	33	0	0	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
49	Cải tạo cánh quang nông thôn (Lắp đặt đèn năng lượng mặt trời ĐT 954)	Long Hoà	50 bộ	2022-2023	2502/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	459	459	439	20	459	439	20	0	0	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
50	Sửa chữa hệ thống thoát nước khu dân cư K5 + khu dân cư K8	Long Hoà	Cải tạo	2022-2023	2419/QĐ-UBND ngày 7/7/2023	897	897	857	40	897	857	40	0	0	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
51	Mở rộng và nâng cấp từ TL 954 vào KDC K8 (Đường vào khu hành chính và các trường học)	Long Hoà	201,64 m	2022-2023	2439/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	503	503	492	11	503	492	11	0	0	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
52	Sửa chữa, nâng cấp đường liên xã nam K5	Long Hoà	1.800 m	2023-2025	2361/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	2.667	2.667	2.525	142	2.558	2.416	142	-109	-109	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
53	Xây dựng đường lộ sau từ ranh phường Long Sơn đến ranh xã Phú Lâm	Long Hoà	4911 m	2023-2025	1246/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	21.365	21.746	5.725	16.021	21.365	6.021	15.344	-381	296	-677	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
54	Bê tông hóa đường cộ áp Long Hòa 1	Long Hoà	Nâng cấp cải tạo đường	2023-2025	4291/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	2.003	2.160	1.948	212	1.973	1.761	212	-187	-187	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện			
	Xã Phú Long					10.102	13.277	12.649	628	13.277	12.649	628	0	0	0				
55	Nâng cấp sửa chữa đường nội bộ, hệ thống cống thoát nước cụm dân cư xã	Phú Long	Đường nội bộ 766,3m; Cống thoát nước 846,5m	2022-2024	2310/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	1.153	1.153	1.110	43	1.153	1.110	43	0	0	0	UBND xã Phú Long			
56	Cải tạo cánh quan nông thôn (đèn chiếu sáng công cộng)	Phú Long	5.100 m	2022-2023	2067/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	882	882	840	42	882	840	42	0	0	0	UBND xã Phú Long			
57	Đường cộ số 14	Phú Long	1.445,6 m	2022-2024	2358/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	860	860	820	40	860	820	40	0	0	0	UBND xã Phú Long			
58	Bê tông hóa lộ đất bờ đống Kênh Thần Nông	Phú Long	2000m	2023-2024	Số 4272/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	3.595	3.780	3.600	180	3.267	3.087	180	-513	-513	0	UBND xã Phú Long			
59	Đường bờ tây Kênh Thần Nông (Từ kênh Phú Lạc - đến kênh 26/3)	Phú Long	2.588,5 m	2023-2025	2799/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	2.857	2.857	2.721	136	2.735	2.599	136	-122	-122	0	UBND xã Phú Long			
60	Tuyến ống cấp nước sạch bờ Nam K26/3 - Nam Phú Lạc	Phú Long	3400 m	2023-2025	353/QĐ-UBND ngày 30/11/2024	755	840	800	40	755	720	35	-85	-80	-5	UBND xã Phú Long			
61	Đường bờ bắc Kênh K5	Phú Long	1.842 m	2023-2025		1.112	1.059	1.059	53	1.783	1.713	70	671	654	17	UBND xã Phú Long			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
							Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
62	Nâng cấp sửa chữa đường nội bộ tuyến đơn cư ấp Phú Đông	Phú Long	635,1m	2023-2025		1.344	1.280	64	1.393	1341	52	49	61	-12	UBND xã Phú Long					
63	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Hệ thống đèn năng lượng áp Phú Tây)	Phú Long	1560m	2023-2025		449	419	30	449	419	30	0	0	0	UBND xã Phú Long					
	Xã Phú Hiệp					7.949	8.013	328	8.371	8.013	358	30	0	30						
64	Cải tạo cảnh quang nông thôn (Lắp đặt đèn năng lượng mặt trời DT 951)	Phú Hiệp	72 bộ đèn	2022-2023	2404/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	780	771	9	780	771	9	0	0	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
65	Nạo vét công rãnh + nâng cấp đường nội bộ cụm dân cư 2/6/3	Phú Hiệp	Nạo vét công rãnh và nâng cấp đường nội bộ	2022-2023	2431/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	877	857	20	877	857	20	0	0	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
66	Cải tạo, nâng cấp và bê tông đường cô ông Hai Tà	Phú Hiệp	Nâng cấp cải tạo đường	2023-2025	2556/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	4.319	4.114	205	4.127	3.922	205	-192	-192	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
67	Cải tạo nâng cấp đường cô Mười Sao	Phú Hiệp	Nâng cấp cải tạo đường	2023-2025	2519/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	862	821	41	862	821	41	0	0	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
68	Cải tạo đường cô Bảy Tiên	Phú Hiệp	Cải tạo	2023-2025	2513/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	186	177	9	186	177	9	0	0	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
69	Cải tạo cảnh quang nông thôn (Đèn chiếu sáng đường lộ sau sông Hậu)	Phú Hiệp	Đèn đường	2024-2025	2061/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	925	1.273	44	909	865	44	-408	-408	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
70	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đặt hệ thống đèn năng lượng đường Tỉnh 951 giai đoạn 2)	Phú Hiệp	Đèn đường	2025					630	600	30	630	600	30	BQLDA DTXD khu vực huyện					
	Xã Hòa Lạc					12.889	13.280	632	13.280	12.648	632	0	0	0						
71	Cải tạo môi trường Kạch Thơm Rơm (SLMB, đất công)	Hoà Lạc	Dài 567m	2022-2024	2772/QĐ-UBND, ngày 31/07/2023	4.273	4.273	203	4.128	3.925	203	-145	-145	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
72	Đầu tư hệ thống công tron ngã 3 K16 đến UBND xã	Hoà Lạc	Dài 750m, đường kính ống 0,8m	2023-2025	3006/QĐ-UBND, ngày 16/8/2023	6.893	6.893	329	6.893	6.564	329	0	0	0	BQLDA DTXD khu vực huyện					
73	Nâng cấp cải tạo đường Hương Lộ ấp Hòa Bình 1	Hoà Lạc	Nâng cấp cải tạo đường	2024-2025	1764/QĐ-UBND, ngày 14/5/2024	1.723	2.114	100	1.723	1.641	82	-391	-373	-18	BQLDA DTXD khu vực huyện					
74	Bê tông hoá đường bê kênh sươn ấp Hòa Bình 2	Hoà Lạc	Bê tông đường	2025					536	518	18	536	518	18	BQLDA DTXD khu vực huyện					
	Xã Phú Thành					6.670	8.406	393	8.406	8.013	393	0	0	0						

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh			Tăng (+) giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số			Ngân sách Trung ương
75	Cải tạo nâng cấp hạ tầng cụm dân cư trung tâm xã và TDC Bắc K 16	Phù Thành	Cải tạo các đường nội bộ + cải tạo cống	2022-2023	888	888	846	42	888	846	42	0	0	0	0	0	UBND xã Phù Thành	
76	Cải tạo cảnh quan nông thôn (cải tạo, lắp mới hệ thống đèn năng lượng chiếu sáng tuyến kênh Thần Nông)	Phù Thành	3800m (30m/trụ đèn năng lượng)	2022-2023	824	824	785	39	824	785	39	0	0	0	0	0	UBND xã Phù Thành	
77	Bê tông hóa tuyến bờ Đông kênh Thần Nông áp Phù Thượng	Phù Thành	2850m	2023-2025	4.958	4.958	4.722	236	4.444	4.233	211	-514	-489	-25	0	0	UBND xã Phù Thành	
78	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp mới hệ thống đèn năng lượng chiếu sáng tuyến đường K. 16)	Phù Thành	121 bóng	2024-2025	806	806	769	37	806	769	37	0	0	0	0	0	UBND xã Phù Thành	
79	Nâng cấp mở rộng Chợ Phù Thành	Phù Thành	Nâng cấp, mở rộng	2024-2025	930	930	891	39	930	891	39	0	0	0	0	0	UBND xã Phù Thành	
80	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Công viên trước trường Mẫu giáo xã Phù Thành)	Phù Thành	Xây mới	2025					514	489	25	514	489	25	0	0	UBND xã Phù Thành	
	Xã Phù An				11.612	13.318	12.649	669	13.318	12.649	669	0	0	0	0	0		
81	Nâng cấp bê tông đường cộ Võ Hải	Phù An	1,4km	2022-2023	1.028	1.028	969	59	1.028	969	59	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
82	Nâng cấp bê tông đường cộ Cá Năm + đường cộ Giồng Kè	Phù An	1,0km	2022-2023	903	991	939	52	991	939	52	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
83	Lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt	Phù An	1,5km	2022-2023	241	241	234	7	241	234	7	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
84	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Đèn chiếu sáng đường TL 954 và 02 đầu kênh)	Phù An	5,5km	2023	1.024	1.024	988	36	1.024	988	36	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
85	Cải tạo sân thể thao áp Phù Lợi	Phù An	960m2	2023	1.004	1.052	997	55	1.052	997	55	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
86	Nâng cấp sửa chữa sân thể thao xã	Phù An	Cải tạo sân bóng	2023	1.058	1.058	1.008	50	1.058	1.008	50	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
87	Cải tạo cảnh quan nông thôn đèn chiếu sáng K26	Phù An	1,6km	2023	297	297	283	14	297	283	14	0	0	0	0	0	UBND xã Phù An	
88	Bê tông đường đê kênh Phù Hiệp	Phù An	3,6km	2023-2025	5.719	6.109	5.786	323	5.273	4.950	323	-836	-836	0	0	0	UBND xã Phù An	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (Kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-)				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
								Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác					
89	Chợ Phú An (Hạng mục: Mái che, khung liên chế điểm tập trung các hộ kinh doanh lưu động)	Phú An	318m2	2024-2025			1.109	1.058	51	1.945	1.894	51	836	836	0		UBND xã Phú An			
90	Lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt áp Phú Quí, Hệ thống đèn chiếu sáng áp Phú Bình-Phú Lợi	Phú An	1,1km+ 26 bộ	2024-2025	12844/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	338	409	387	22	409	387	22	0	0	0		UBND xã Phú An			
	Xã Phú Xuân					13.011	13.294	12.648	646	13.272	12.648	624	-22	0	-22					
91	Hệ thống thoát nước cụm dân cư áp Phú Đông	Phú Xuân	Cải tạo	2022-2023	7799/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	1.124	1.124	1.072	52	1.124	1.072	52	0	0	0		BQLDA DTXD khu vực huyện			
92	Cải tạo cảnh quan nông thôn (đèn chiếu sáng lộ Thành Nông, Nam Phú Hiệp, Nam K26, Nam Mương Khai, áp Phú Tây).	Phú Xuân	326 bộ	2023-2024	2557/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	2.613	2.613	2.489	124	2.613	2.489	124	0	0	0		BQLDA DTXD khu vực huyện			
93	Đường GTNT Nam Mương Khai	Phú Xuân	3,5m x 1512,5m	2023-2024	2500/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	3.185	3.185	3.033	152	3.102	2.950	152	-83	-83	0		BQLDA DTXD khu vực huyện			
94	Năng cấp cải tạo chợ Phú Xuân	Phú Xuân	Năng cấp cải tạo	2024-2025	13344/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	3.442	3.600	3.430	170	3.578	3.430	148	-22	0	-22		BQLDA DTXD khu vực huyện			
95	Bê tông lộ kênh thần nông cũ	Phú Xuân	Năng cấp cải tạo đường	2024-2025	5501/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.647	2.772	2.624	148	2.647	2.521	126	-125	-103	-22		BQLDA DTXD khu vực huyện			
96	Năng cấp làng nhựa đầu tuyến đường giao thông nam phú hiệp. (Đoạn giáp lộ thần nông).	Phú Xuân	Năng cấp cải tạo đường	2025						208	186	22	208	186	22		BQLDA DTXD khu vực huyện			
II DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH OCOP							1.200	1.150	50	1.200	1.150	50	0	0	0					
97	Năng cấp, sửa chữa đường làng nghề phục vụ vùng nguyên liệu sản phẩm OCOP xã Phú Bình	Phú Bình	Năng cấp cải tạo đường	2024-2025			1.200	1.150	50	1.200	1.150	50	0	0	0		BQLDA DTXD khu vực huyện			

Số: 14240/QĐ-UBND

Phú Tân, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-SNNPTNT ngày 06 tháng 09 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách trung ương Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;



Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân.

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân;

Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 1168/TTr-TCKH ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân, như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân là 40.707 triệu đồng gồm Nguồn vốn ngân sách trung ương: 32.894 triệu đồng; Nguồn vốn khác: 7.813 triệu đồng. (Phụ lục chi tiết kèm theo)

Trong đó:

- Danh mục đủ điều kiện phân khai vốn là 14 dự án với số vốn 25.050 triệu đồng.
- + Nguồn vốn ngân sách trung ương: 17.928 triệu đồng;
- + Nguồn vốn khác: 7.122 triệu đồng.
- Kế hoạch vốn chưa đủ điều kiện phân khai vốn của các Chủ đầu tư là 15.657 triệu đồng.
- + Nguồn vốn ngân sách trung ương: 14.966 triệu đồng;
- + Nguồn vốn khác: 691 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân.

Tiêu chí phân bổ vốn danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện theo Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp sang năm 2025 là 12 dự án với số vốn là 20.556 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới trong năm 2025 là 02 dự án với số vốn là 4.494 triệu đồng.
- Số vốn chưa đủ điều kiện phân khai của các chủ đầu tư là 15.657 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo kế hoạch vốn và danh mục dự án đầu tư đến các ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân xã và chủ đầu tư; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch cập nhật số liệu vào TABMIS và thông báo sang Kho bạc Nhà nước huyện để giải ngân theo quy định. Đối với Số vốn chưa đủ điều kiện phân khai của các chủ đầu tư, phòng Tài chính – Kế hoạch đôn đốc các chủ đầu tư và cập nhật các dự án đủ điều kiện trình UBND huyện phân khai vốn đúng quy định.

3. Căn cứ danh mục dự án đầu tư và kế hoạch vốn được phân bổ, chủ đầu tư tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư trong phạm vi chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao, trường hợp một dự án được bố trí nhiều nguồn vốn, ưu tiên giải ngân trước nguồn vốn ngân sách trung ương.

4. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư công và các văn bản quy định có liên quan.

5. Các chủ đầu tư thực hiện việc báo cáo định kỳ tháng, quý và cả năm theo quy định. Riêng Kho bạc Nhà nước huyện chậm nhất đến ngày 05 của tháng sau có báo cáo chi tiết danh mục công trình đã được cấp phát trong tháng trước, lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện, đồng gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để kịp thời phối hợp, theo dõi tình hình giải ngân kế hoạch vốn.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân, Thủ trưởng các Ban, ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

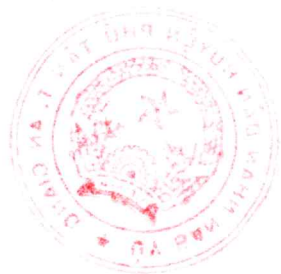
Nơi nhận:

- Như điều 3; (để thực hiện)
- TT.HU và HĐND huyện; (báo cáo)
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & ĐT; (báo cáo)
- Sở NN & PTNT; VP ĐPNTM tỉnh; (báo cáo)
- Kho bạc NN huyện (thực hiện);
- Các thành viên UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Tuyết Minh



**DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ TÂN**

Kèm theo Quyết định số **1240/QĐ-UBND** ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân

ĐVT: Triệu đồng.

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 dự kiến điều chỉnh			Lũy kế kế hoạch vốn phân bổ đến cuối năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú				
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			Trong đó:			
													Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:		
													Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
	TỔNG CỘNG (A+B)					54.610	70.467	52.829	17.638	29.760	19.935	9.825	40.707	32.894	7.813						
A	DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ TÂN					54.610	70.467	52.829	17.638	29.760	19.935	9.825	40.707	32.894	7.813						
	(1) Dự án chuyển tiếp sang năm 2025					50.612	50.216	33.449	16.767	29.660	19.835	9.825	20.556	13.614	6.942						
	(2) Dự án khởi công mới trong năm 2025					3.998	4.494	4.314	180	0	0	0	4.494	4.314	180						
	Xã Phú Hưng (NTM 2019)					531	571	541	30	230	200	30	341	341	0						
1	Cải tạo cảnh quan nông thôn (Lắp đèn chiếu sáng tuyến đường áp Hưng Thới 2)	Phú Hưng	1870m	2024-2025	13866/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	531	571	541	30	230	200	30	341	341	0	UBND xã Phú Hưng					
	Xã Phú Thọ (NTM 2021)					5.158	5.316	5.068	248	3.145	2.897	248	2.171	2.171	0						
2	Bê tông đường cộ 7 Chỉnh	Phú Thọ	2.267 m, Mặt đường 2m	2023-2024	2037/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	2.248	2.248	2.141	107	2.176	2.069	107	72	72	0	UBND xã Phú Thọ					
3	Bê tông đường cộ 4 Giới	Phú Thọ	2.368 m, Mặt đường 2m	2024-2025	1703/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	2.277	2.390	2.277	113	759	646	113	1.631	1.631	0	UBND xã Phú Thọ					
4	Hệ thống nước sinh hoạt đồng kênh sừm Phú Thọ	Phú Thọ	2500m	2024-2025	12056/QĐ-UBND ngày 12/09/2024	633	678	650	28	210	182	28	468	468	0	UBND xã Phú Thọ					
	Xã Tân Trung (NTM 2023)					6.377	6.589	6.307	282	5.272	5.022	250	1.317	1.285	32						
5	Nâng cấp, láng nhựa các tuyến đường trên địa bàn xã Tân Trung	Tân Trung	Nâng cấp cải tạo đường	2023-2025	2769/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	4.998	4.850	4.612	238	4.499	4.261	238	351	351	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện					
6	Lát gạch vỉa hè tuyến dân cư Tân Trung	Tân Trung	cảnh quan, xây mới vỉa hè	2024-2025	4712/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	823	823	811	12	773	761	12	50	50	0	BQLDA ĐTXD khu vực huyện					
7	Sân chơi trường mẫu giáo Tân Trung	Tân Trung	Xây mới	2024-2025	13511/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	556	916	884	32	0	0	0	916	884	32	BQLDA ĐTXD khu vực huyện					
	Xã Long Hòa (NTM 2025)					21.365	21.365	6.021	15.344	9.961	850	9.111	11.404	5.171	6.233						
8	Xây dựng đường lộ sau từ ranh phường Long Sơn đến ranh xã Phú Lâm	Long Hoà	4911 m	2023-2025	1246/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	21.365	21.365	6.021	15.344	9.961	850	9.111	11.404	5.171	6.233	BQLDA ĐTXD khu vực huyện					
	Xã Phú Long					755	755	720	35	612	582	30	143	138	5						
9	Tuyến ống cấp nước sạch bờ Nam K26/3 - Nam Phú Lạc	Phú Long	3400 m	2023-2025	353/QĐ-UBND ngày 30/1/2024	755	755	720	35	612	582	30	143	138	5	UBND xã Phú Long					
	Xã Hòa Lạc					8.616	8.616	8.205	411	5.880	5.798	82	2.736	2.407	329						

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 dự kiến điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn phân bổ đến cuối năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Chú đầu tư	Chú chú
					Số ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
							Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
10	Đầu tư hệ thống công trình nhà 3 K16 đến UBND xã	Hòa Lạc	Đất 750m, đường kính ống 0,8m	2023-2025	3006/QĐ-UBND, ngày 16/8/2023	6.893	6.893	6.564	329	5.298	5.298	0	1.595	1.266	329	BQLDA DTXD khu vực huyện				
11	Nâng cấp cải tạo đường Hương Lộ 1 xã Hòa Bình 1	Hòa Lạc	Nâng cấp cải tạo đường	2024-2025	1764/QĐ-UBND, ngày 14/5/2024	1.723	1.723	1.641	82	582	500	82	1.141	1.141	0	BQLDA DTXD khu vực huyện				
	Xã Phú An					5.719	5.273	4.950	323	3.225	3.225	0	2.048	1.725	323					
12	Bê tông đường bê tông xã Phú Hiệp	Phú An	3,6km	2023-2025	5357/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	5.719	5.273	4.950	323	3.225	3.225	0	2.048	1.725	323	UBND xã Phú An				
	Xã Phú Xuân					6.089	6.225	5.951	274	1.335	1.261	74	4.890	4.690	200					
13	Nâng cấp cải tạo chợ Phú Xuân	Phú Xuân	Nâng cấp cải tạo	2024-2025	13344/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	3.442	3.578	3.430	148	0	0	0	3.578	3.430	148	BQLDA DTXD khu vực huyện				
14	Bê tông bê tông nền nông cơ	Phú Xuân	Nâng cấp cải tạo đường	2024-2025	5501/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.647	2.647	2.521	126	1.335	1.261	74	1.312	1.260	52	BQLDA DTXD khu vực huyện				
B	SỐ VỐN CHỮA DƯ ĐIỀU KIỆN PHÂN KHAI CỦA CÁC CHỤ ĐẦU TƯ					15.757	15.066	691	100	100	-	15.657	14.966	691						
1	UBND xã Tân Hoà					1.026	991	35	0	0	0	0	1.026	991	35					
2	UBND xã Phú Bình					617	604	13	0	0	0	0	617	604	13					
3	UBND xã Phú Lâm					1.144	1.077	67	0	0	0	0	1.144	1.077	67					
4	UBND xã Hiệp Xương					580	564	16	0	0	0	0	580	564	16					
5	UBND xã Phú Hưng					375	360	15	0	0	0	0	375	360	15					
6	UBND xã Bình Thành Đông					806	755	51	0	0	0	0	806	755	51					
7	UBND xã Phú Thành					815	745	70	0	0	0	0	815	745	70					
8	UBND xã Phú Long					3.625	3.473	152	0	0	0	0	3.625	3.473	152					
9	UBND xã Phú Thành					2.250	2.149	101	0	0	0	0	2.250	2.149	101					
10	UBND xã Phú An					1.945	1.894	51	0	0	0	0	1.945	1.894	51					
11	BQLDA DTXD khu vực huyện					2.574	2.454	120	100	100	0	0	2.474	2.354	120					

Danh mục các dự án khi đủ điều kiện sẽ tiếp tục phân khai vốn để thực hiện

Số: 13881/QĐ-UBND

Phú Tân, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2025
của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Xét Tờ trình số 1120/TTr-TCKH ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý), như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

* Tổng số vốn và danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025 là 70.728 triệu đồng phân bổ vốn cho 18 dự án, 01 Danh mục kinh phí quyết toán công trình hoàn thành và Dành 10% dự phòng, 10% tiền sử dụng đất cho kinh phí đo đạc.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu : 6.000 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư tập trung : 34.728 triệu đồng
- Nguồn tiền sử dụng đất : 30.000 triệu đồng
- + Chi kinh phí đo đạc đất (10%) : 3.000 triệu đồng.

(Chi tiết biểu Kế hoạch đầu tư công năm 2025 kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn Kế hoạch Đầu tư công năm 2025.

* Tổng số danh mục kế hoạch vốn là 18 dự án; 01 danh mục thanh toán chi phí sau quyết toán hoàn thành; Dành 10% dự phòng và 10% tiền sử dụng đất cho kinh phí đo đạc. Tổng vốn phân bổ là 70.728 triệu đồng.

- Dự án chuyển tiếp sang năm 2025 là 11 dự án với số vốn là 31.244 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới trong năm 2025 là 06 dự án với số vốn là 20.675 triệu đồng.
- Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025 là 01 dự án với số vốn là 1.000 triệu đồng.
- Danh mục kinh phí quyết toán công trình hoàn thành trong năm 2025 là 250 triệu đồng.
- Dành 10% dự phòng và 10% tiền sử dụng đất cho kinh phí đo đạc số tiền 17.559 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo kế hoạch vốn và danh mục dự án đầu tư đến các ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và chủ đầu tư; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.
2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch cập nhật số liệu vào TABMIS và thông báo sang Kho bạc Nhà nước huyện để giải ngân theo quy định.
3. Căn cứ danh mục dự án đầu tư và kế hoạch vốn được phân bổ, chủ đầu tư tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư trong phạm vi chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao, trường hợp một dự án được bố trí nhiều nguồn vốn, ưu tiên giải ngân trước nguồn vốn ngân sách trung ương (nếu có).
4. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư công và các văn bản quy định có liên quan.
5. Các chủ đầu tư thực hiện việc báo cáo định kỳ tháng, quý và cả năm theo quy định. Riêng Kho bạc Nhà nước huyện chậm nhất đến ngày 05 của tháng sau có báo cáo chi tiết danh mục công trình đã được cấp phát trong tháng trước, lũy kế từ

đầu năm đến tháng báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện, đồng gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để kịp thời phối hợp, theo dõi tình hình giải ngân kế hoạch vốn.

6. Đối với kế hoạch vốn thanh toán công nợ sau quyết toán: Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, phân khai chi tiết kế hoạch vốn để thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân, Thủ trưởng các Ban, ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: ✓

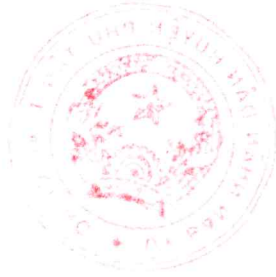
- Như điều 3 (để thực hiện);
- TT.HU và HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & ĐT (báo cáo);
- Kho bạc NN huyện (thực hiện);
- Các thành viên UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Tuyết Minh

1950



1950

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

Thực theo Quyết định số: 13881/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
ĐVT: Triệu đồng



Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã dự án kinh tế (loại đầu tư khác)	Mã dự án kinh tế (loại đầu tư khác)	Thời gian KC-ĐT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư (đã có quyết định đầu tư chính thức)		Quyết định đầu tư (đã có quyết định đầu tư chính thức)		Kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm gần đây (2021-2025)		Lộ kế phân bổ vốn đến cuối năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú									
								Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách tỉnh	Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách tỉnh	Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:				Trong đó:								
												Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh	BTNT	Ngân sách huyện			BTNT	Ngân sách huyện	BTNT	Ngân sách tỉnh	BTNT				
1	TỔNG SỐ							619.076	405.493	207.858	368.619	218.771	144.123	232.157	22.419	209.738	56.201	153.537	51.951	19.638	31.813	70.728	6.000	64.728	34.728	30.000		
	Vốn nước ngoài																											
	Vốn trong nước							619.076	405.493	207.858	368.619	218.771	144.123	232.157	22.419	209.738	56.201	153.537	51.951	19.638	31.813	70.728	6.000	64.728	34.728	30.000		
	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							354.837	206.418	142.694	346.762	202.885	130.152	124.663	0	124.663	21.364	103.299	46.141	0	46.141	14.200	31.221	0	31.244	6.444	24.800	
	2. Dự án khởi công mới trong năm 2025							58.199	38.305	19.394	21.857	15.886	9.971	39.254	22.419	16.835	14.075	2.760	1.400	500	900	600	300	20.675	6.000	14.675	13.475	1.200
	3. Dự án chuẩn bị đầu tư							206.040	166.770	45.270	0	0	0	32.320	0	32.320	3.309	29.111	3.209	0	3.209	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000
	4. Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành							0	0	0	0	0	0	1.765	0	1.765	1.396	367	1.201	0	1.201	909	292	250	0	250	250	0
	5. 10% dự phòng và 10% tiền lãi đọng đất cho kinh phí đặc							0	0	0	0	0	0	34.155	0	34.155	16.155	18.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	CHỈ TIẾT (A-B+C+D)							619.076	405.493	207.858	368.619	218.771	144.123	232.157	22.419	209.738	56.201	153.537	51.951	19.638	31.813	70.728	6.000	64.728	34.728	30.000		
A	THEO NGÀNH LĨNH VỰC (Đ...-VH)							619.076	405.493	207.858	368.619	218.771	144.123	232.157	22.419	209.738	56.201	153.537	51.951	19.638	31.813	70.728	6.000	64.728	34.728	30.000		
I	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG							13.750	0	13.750	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	1. Dự án khởi công mới năm 2025							13.750	0	13.750	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Bao chi hỗ trợ quân sự tại Phú Hiệp							6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	6.790	
	Bao chi quân sự tại Phú Thuận							6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	6.960	
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀ Y NGHIỆP							481.852	375.894	105.958	269.971	211.674	58.297	76.484	0	76.484	11.178	65.306	17.699	0	17.699	0	14.190	0	12.112	4.769	7.343	
	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							255.826	199.238	56.588	249.989	195.708	54.201	41.464	0	41.464	7.969	33.435	14.190	0	14.190	0	3.200	0	9.912	4.769	5.143	
	Trường THCS Phú Thọ							72.771	57.056	15.713	74.431	56.531	15.900	9.584	0	9.584	0	9.584	3.930	0	3.930	0	1.400	0	1.400	1.400		
	Trường Tiểu học Tân Trung diện chỉnh (Tân Thuận)							36.006	28.311	7.695	35.938	28.310	7.628	7.310	0	7.310	5.322	1.988	1.437	0	1.437	0	1.050	0	1.050	1.050		
	Trường THCS Tân Trung							34.885	26.475	8.410	33.251	26.200	7.051	5.322	0	5.322	0	5.322	2.168	0	2.168	0	792	0	792	792		
	Trường Mầm non Long Hòa (Long Hòa 1)							14.891	11.458	3.433	13.670	10.788	2.882	2.882	0	2.882	0	2.882	1.400	0	1.400	0	601	0	601	601		
	Trường Tiểu học Long Hòa diện chỉnh (Long Hòa 1)							27.521	21.313	6.208	26.826	20.926	5.900	5.876	0	5.876	0	5.876	2.055	0	2.055	0	1.300	0	1.300	1.300		
	Trường Mầm non Phú Mỹ							69.752	54.625	15.127	67.872	53.033	14.840	10.430	0	10.430	7.969	2.461	3.200	0	3.200	0	4.769	0	4.769	4.769		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung chi tiết dự án (Khai thác đất tư)	Mã dự án (Khai thác đất tư)	Mã kinh phí (Khai thác đất tư)	Thời gian thực hiện dự án	Số quyết định phê duyệt dự án	Quyết định chi trả trong năm 2024 (tính theo số)				Quyết định chi trả trong năm 2025 (tính theo số)				Kế hoạch chi trả trong năm 5 năm tiếp theo 2021-2025				Lợi ích kinh tế xã hội đến cuối năm 2024				Kế hoạch chi trả trong năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú							
								Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi	Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi	Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi	Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi	Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi			Tổng số (tính theo đơn vị)	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Số quyết định phê duyệt chi			
2	Dự án phát triển kinh tế vùng năm 2024							19.986	15.886	4.100	19.982	15.886	4.096	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	300	0	300	0	1.200	0	1.200	0	1.200		
9	Tuyến THCS Long Hòa	Long Hòa	8 phòng aula giáo dục trẻ em - Trường THCS			2024-2025	30/2024/QĐ-UBND	19.986	15.886	4.100	19.982	15.886	4.096	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	2.760	0	300	0	300	0	1.200	0	1.200	0	1.200	PCJA DTXKVV	
10	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (phòng máy giáo dục trẻ em) huyện Phú Tân, Mùa xuân kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trần huyện	78 phòng aula giáo dục trẻ em và phòng tin học tại các trường tiểu học huyện Phú Tân, Mùa xuân kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam			2022-2023	04/2022/QĐ-UBND	206.040	160.770	45.270	206.040	160.770	45.270	32.320	0	32.320	0	32.320	0	32.320	0	32.320	0	32.320	0	3.209	0	3.209	0	1.000	0	1.000	0	1.000	PCJA DTXKVV	
III	LINH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN							5.986	3.999	1.987	5.661	3.975	1.686	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	0	0	0	0	490	0	490	0	490		
11	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							5.986	3.999	1.987	5.661	3.975	1.686	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	1.290	0	0	0	0	0	490	0	490	0	490		
IV	LINH VỰC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
12	1. Dự án phát triển kinh tế vùng năm 2025							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
13	1. Dự án phát triển kinh tế vùng năm 2025							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
14	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
15	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
16	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							111.925	22.419	83.779	87.913	0	82.188	10.431	22.419	22.419	81.892	12.028	69.864	31.157	500	30.657	10.426	20.231	21.259	6.000	6.000	0	6.000	0	1.092	19.657	19.657			
V	LINH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							5.466	3.181	2.284	5.074	3.122	1.952	0	0	0	1.952	1.952	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.438	0	1.438	0	1.438		
17	1. Dự án chuyển tiếp sang năm 2025							5.466	3.181	2.284	5.074	3.122	1.952	0	0	0	1.952	1.952	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.438	0	1.438	0	1.438		

Số TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án (theo Kế hoạch đầu tư)	Mã ngành kinh tế (theo ngành kinh tế)	Thời gian KC-HT 2024-2025	Quyết định chủ trương đầu tư (tức cả quyết định đầu tư chính thức)				Quyết định đầu tư (tức cả quyết định đầu tư chính thức nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Lay kế phân bổ vốn đến cuối năm 2024				Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Chú đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (đt và các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành thành	Tổng số (đt và các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (đt và các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (đt và các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (đt và các nguồn vốn)	Trong đó:						
									Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện			Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện		Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện		Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện		Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Nguồn sách tỉnh	Nguồn sách huyện	Nguồn sách tỉnh		
	2. Dự án khởi công mới trong năm 2025						1.194	0	1.194	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0		
18	Chi tạo các công trình cấp, cấp II, cấp III và cấp IV của hệ thống cấp nước sinh hoạt tại xã Hòa Bình và UBND huyện	TT Phú Mỹ	Cấp tạo			2024-2025	1233/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	1.194	1.194	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0	1.075	0		
B	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	Đánh 10% dự phòng và 10% tiền sử dụng đất cho dân phố dự dự							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
								34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155	34.155		
								1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201	1.201		
								909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909	909		
								17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559	17.559		
								3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000		



Số: 13880/QĐ-UBND

Phú Tân, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn
5 năm giai đoạn 2021 -2025 của huyện Phú Tân
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Căn cứ Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của huyện Phú Tân (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Xét Tờ trình số 1119/TTr-TCKH ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 -2025 của huyện Phú Tân (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý), như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

Tổng số kế hoạch vốn trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 điều chỉnh: 459.633 triệu đồng gồm:



- Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu : 118.083 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư tập trung : 161.550 triệu đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất : 180.000 triệu đồng

Trong đó:

- + Tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2025 : 143.168 triệu đồng
- + Tiền sử dụng đất năm 2020 mang sang : 35.563 triệu đồng
- + Tiền sử dụng đất năm 2021 tỉnh bổ sung : 1.269 triệu đồng

(Chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 được điều chỉnh, bổ sung như sau:

* Tổng số dự án được bố trí vốn là 90 dự án; 01 danh mục thanh toán chi phí sau quyết toán công trình hoàn thành; 01 danh mục hoàn trả nợ vay kiên cố hoá kênh mương; 10% dự phòng nguồn đầu tư tập trung và 10% tiền thu sử dụng đất thực hiện công tác đo đạc. Với tổng vốn phân bổ là 459.633 triệu đồng.

- Tập trung phân bổ đủ vốn các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 cho 05 dự án, với tổng vốn phân bổ là 2.945 triệu đồng.

- Phân bổ vốn cho 85 dự án trong giai đoạn 2021-2025, với tổng vốn phân bổ là 418.104 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí để thanh toán các khoản chi phí sau quyết toán các dự án hoàn thành giai đoạn 2021-2025, với tổng vốn phân bổ là 1.765 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí hoàn trả nợ vay kiên cố hoá kênh mương theo Công văn số 722/STC-TCĐT ngày 30/3/2021 của Sở Tài chính số vốn 2.664 triệu đồng.

- Dành 10% dự phòng nguồn đầu tư tập trung và 10% tiền thu sử dụng đất thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 34.155 triệu đồng.

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch Đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 được điều chỉnh, bổ sung. UBND huyện giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng chi tiết phương án kế hoạch đầu tư công từng năm trong giai đoạn 2021-2025 báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định theo quy định.

1. Giao Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo vốn, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng mục tiêu kế hoạch vốn được giao, tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Yêu cầu các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn và chủ đầu tư, căn cứ vào mức vốn dự kiến bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn tổ chức thực hiện:

- Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt; chỉ được trình và quyết định chủ trương

đầu tư theo đúng thẩm quyền và đã xác định rõ nguồn vốn, khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; chỉ được thực hiện theo đúng kế hoạch vốn cấp.

- Chủ động xác định điểm dừng kỹ thuật, phê duyệt điều chỉnh quy mô dự án phù hợp với mức vốn được giao. Đồng thời, xác định các dự án giãn hoãn tiến độ nếu nguồn vốn đầu tư không đáp ứng.

- Tập trung thanh toán công trình chuyên tiếp, kịp thời thanh toán khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu. Các dự án khởi công mới chỉ được thi công theo kế hoạch vốn cấp để tránh phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp cần thiết đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo yêu cầu đột xuất đối với các công trình trọng điểm, cấp bách thì chủ đầu tư báo cáo UBND huyện xem xét, chỉ đạo thực hiện.

- Chủ đầu tư cần thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để giám sát chặt chẽ tiến độ thi công, chất lượng và khối lượng công trình, giá trị xây lắp hoàn thành. Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc đến cơ quan chức năng có liên quan để được hướng dẫn, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân, Thủ trưởng các Ban, ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- TT.HU và HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & ĐT (báo cáo);
- Kho bạc NN huyện (thực hiện);
- Các thành viên UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Tuyết Minh

ĐỀ U CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

Kèm theo Quyết định số: 13880/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại)	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định đầu tư (tức cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện)			Kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh			Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú							
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
											Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh bổ sung				Ngân sách huyện	Sử dụng đất ĐTTT	Sử dụng đất				
1	TỔNG SỐ	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	Vốn nước ngoài							1.043.328	632.863	410.465	323.787	764.440	440.653	323.787	465.633	118.083	347.550	161.550	186.000	459.633	118.083	341.550	161.550	180.000	-6.000		
	Vốn trong nước							1.043.328	632.863	410.465	323.787	764.440	440.653	323.787	465.633	118.083	347.550	161.550	186.000	459.633	118.083	341.550	161.550	180.000	-6.000		
	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							81.319	54.387	26.932	0	80.501	54.576	25.925	2.945	0	2.945	741	2.204	2.945	0	2.945	741	2.204	0		
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							968.693	578.476	383.533	0	690.623	386.077	297.862	423.017	118.083	304.934	140.831	164.103	418.104	118.083	300.021	140.592	159.429	-4.913		
	3. Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành							0	0	0	0	0	0	0	2.252	1.159	1.093	1.093	1.765	0	1.765	1.398	367	-487			
	4. Hoàn trả nợ vay kiến cơ sở kinh doanh theo Công văn 722/STC-TCĐT ngày 30/3/2021 của Sở TN chính							0	0	0	0	0	0	0	2.664	2.664	2.664	2.664	2.664	2.664	2.664	2.664	2.664	0			
	5. 10% dự phòng và 10% tiền sử dụng đất cho kinh phí đặc							0	0	0	0	0	0	0	34.755	16.155	18.600	18.600	34.155	0	34.155	16.155	18.000	-600			
	CHI TIẾT (A+B+C+D)							1.050.012	632.863	410.465	323.787	771.124	440.653	323.787	465.633	118.083	347.550	161.550	186.000	459.633	118.083	341.550	161.550	180.000	-6.000		
A	THEO NGÀNH LĨNH VỰC (I+...+VII)							1.050.012	632.863	410.465	323.787	771.124	440.653	323.787	465.633	118.083	347.550	161.550	186.000	459.633	118.083	341.550	161.550	180.000	-6.000		
I	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG							24.143	0	24.143	0	9.431	0	9.431	20.962	0	20.962	20.962	20.962	20.962	0	20.962	20.962	20.962	0		
	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							24.143	0	24.143	0	9.431	0	9.431	20.962	0	20.962	20.962	20.962	20.962	0	20.962	20.962	20.962	0		
	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Thạnh Đông	BTD	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2023	23/06/2021	2.799	0	2.799	0	2.067	0	2.067	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	1.848	0	BOLDA ĐTXĐKV	HT
	Ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Xương	Hiệp Xương	khởi nhà làm việc 200m2			2022-2024	20/09/2021	2.806	0	2.806	0	2.782	0	2.782	2.782	2.782	2.666	2.666	2.666	2.666	2.666	2.666	2.666	2.666	0	BOLDA ĐTXĐKV	HT
	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Thọ	Phú Thọ	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2022	27/10/2020	2.040	0	2.040	0	1.903	0	1.903	1.903	1.748	1.748	1.748	1.748	1.748	1.748	1.748	1.748	1.748	0	BOLDA ĐTXĐKV	HT
	Ban chỉ huy quân sự xã Phú Thành	Phú Thành	khởi nhà làm việc 200m2			2021-2023	23/06/2021	2.748	0	2.748	0	2.679	0	2.679	2.679	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	0	BOLDA ĐTXĐKV	HT

Số TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư (loại khác)	Mã số Kĩ thuật (loại khác)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (tức cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Quyết định đầu tư (tức cả quyết định điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện)		Kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh		Chênh lệch Tăng (+) - giảm (-)	Chờ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)						
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:								
		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện				
		BT		ĐT		BT		ĐT		BT		ĐT		BT		ĐT				
41	Chương trình giáo dục phổ thông mới	Toàn huyện	Xây dựng môn và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Phú Tân	04/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	2022-2025	04/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	206.040	160.770	45.270	34.488	4.209	30.279	32.320	3.209	29.111	0				
IV	LĨNH VỰC VĂN HOÁ THÔNG TIN						19.695	11.740	7.955	11.019	6.953	5.878	0	5.242	0	5.242	0	-636		
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						19.695	11.740	7.955	11.019	6.953	5.878	0	5.242	0	5.242	0	-636		
42	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Phú Thọ	Phú Thọ	Hội trường+ các phòng chức năng+ hạ tầng kỹ thuật	875/QĐ-UBND 26/04/2021	2021-2023	875/QĐ-UBND 26/04/2021	5.945	4.000	1.945	3.952	1.695	1.236	1.392	1.236	1.086	1.086	0	-150	HT	
43	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Tân Trung	Tân Trung	Hội trường+ các phòng chức năng+ hạ tầng kỹ thuật	206/QĐ-UBND 08/09/2021	2022-2024	206/QĐ-UBND 08/09/2021	5.584	3.741	1.843	3.092	1.392	1.392	1.392	1.392	906	906	0	-486	HT	
44	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Long Hòa	Long Hoà	Hội trường+ các phòng chức năng+ hạ tầng kỹ thuật	247/QĐ-UBND 26/10/2021	2023-2025	247/QĐ-UBND 26/10/2021	5.986	3.999	1.987	3.975	1.686	1.290	1.290	1.290	1.290	1.290	0	0	HT	
45	Nâng cấp hạ tầng thông tin - truyền thông thực hiện cải cách hành chính cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025	Toàn huyện		4214/QĐ-UBND 26/11/2020	2021	4214/QĐ-UBND 26/11/2020	1.200	0	1.200	1.200	1.200	1.061	1.061	1.061	1.061	1.061	0	0	HT	
46	Nâng cấp hạ tầng thông tin - truyền thông thực hiện cải cách hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025	Toàn huyện		4215/QĐ-UBND 26/11/2020	2021	4215/QĐ-UBND 26/11/2020	980	0	980	980	980	899	899	899	899	899	0	0	HT	
V	LĨNH VỰC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						151.591	23.688	121.219	115.136	1.269	118.083	102.265	28.036	74.229	224.381	106.298	27.927	4.033	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						22.419	22.419	0	0	0	22.419	22.419	0	0	22.419	22.419	0	0	
	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						22.419	22.419	0	0	0	22.419	22.419	0	0	22.419	22.419	0	0	
47	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ vùng nuôi thủy sản thương phẩm xã Phú Bình	Phú Bình	156 ha	4355/QĐ-UBND 17/11/2023	2023-2025	4355/QĐ-UBND 17/11/2023	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	22.419	0	0	HT
	Lĩnh vực Giao thông						120.094	1.269	112.141	114.231	1.269	106.278	95.664	22.647	71.458	193.926	95.664	22.662	4.157	
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						8.700	0	8.700	8.700	0	8.700	0	0	615	615	0	615	0	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã xã An (loại địa phương)	Mã xã An (loại khu vực)	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư (tức là quyết định đầu tư)				Quyết định đầu tư (tức là quyết định đầu tư)				Kết hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện)				Kết hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện)				Chênh lệch đầu tư (đơn vị: tỷ đồng)	Chức vụ					
								Tổng số vốn (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số vốn (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số vốn (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	BT/TT	Sử dụng đất	Tổng số vốn (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	BT/TT			Sử dụng đất				
48	Đường Nguyễn Hữu Châu	Phước Mỹ	Toàn quyền			2019-2021	6317/QĐ-UBND/16/02/2019	8.700	1.269	8700	6317/QĐ-UBND/16/02/2019	8.700	1.269	8700	615	0	615	193.311	95.664	97.647	22.662	74.985	615	0	615	HT				
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							111.394	0	103.441	0	105.531	0	189.154	95.664	93.490	22.647	70.843	193.311	95.664	97.647	22.662	74.985	4.157	0	4.157	HT			
49	Đường Nguyễn Văn Lành mới dài (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Trương Định)	TT Phước Mỹ	Đường phố nội bộ, hàng nhựa dài 3,5km dài 164,5m			2021-2022	4020/QĐ-UBND/06/02/2021	1.211	0	1.211	1206/QĐ-UBND/06/04/2021	1.179	1.179	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	1.144	0	1.144	HT		
50	Năng cấp, mở rộng đường K3 (đoạn Phước Mỹ)	Phước Mỹ	Làng nhựa dài 1.500m, rộng 3,5m			2021	1965/QĐ-UBND/26/05/2021	4.088	0	4.088	348/QĐ-UBND/13/02/2021	6.172	1.269	4.903	155	155	155	5.880	5.880	5.880	4.611	1.269	155	155	155	0	155	HT		
51	Cầu Tây, Kênh Thôn Nong - Phước Xuân (Mường Kham)	Phước Xuân	Kết cấu bê tông cốt thép, dài 40m rộng 4m			2021-2023	1331/QĐ-UBND/16/04/2021	6.172	1.269	4.903	348/QĐ-UBND/13/02/2021	6.172	1.269	4.903	5.880	5.880	4.611	1.269	5.880	5.880	4.611	1.269	155	155	155	0	155	HT		
52	Năng cấp đường Xóm Bãi Ấp Bình Tây 1	Phước Bình	Kết cấu bê tông cốt thép, dài 180m			2022-2024	3941/QĐ-UBND/12/02/2022	3.559	0	2.600	6826/QĐ-UBND/23/11/2022	3.559	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	0	2.600	HT	
53	Cầu Nam Phước Lạc (Tây Kênh Thôn Nong)	Phước Long	Kết cấu bê tông cốt thép, dài 40m rộng 4m			2021-2023	1539/QĐ-UBND/22/02/2022	6.860	0	6.860	3356/QĐ-UBND/11/07/2022	6.708	6.708	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	6.236	0	6.236	HT	
54	Xây dựng đường bê tông từ ranh phường Long Sơn đến ranh xã Phước Mỹ	Long Hoà	4911m			2023-2025	0900/QĐ-UBND/05/09/2023	21.746		16.021	1410/QĐ-UBND/28/01/2024	21.365	15.640	15.640	15.640	15.640	15.640	15.344	15.344	15.344	15.344	15.344	15.344	15.344	15.344	15.344	-296	15.344	BQ/DA ĐTXĐ/KV	
55	Năng cấp cải tạo đường Vong O	Phước Mỹ- Phước Hưng	8940m			2023-2025	2414/QĐ-UBND/07/07/2023	54.520		54.520	4647/QĐ-UBND/01/12/2023	54.520	54.520	50.035	50.035	50.035	50.035	50.035	54.520	54.520	54.520	54.520	54.520	54.520	54.520	54.520	4.485	54.520	BQ/DA ĐTXĐ/KV	
56	Dự án Năng cấp, mở rộng Đường tỉnh 954 (phần đoạn tuyến từ ranh địa phương Phước Mỹ - xã Phước Thọ đến bên phía Phước Mỹ)	Phước Mỹ- Tân Truong- Bình T Đông	8.888m			2023-2026					1399/QĐ-UBND/26/09/2024	11.228	11.228	11.228	11.800	11.800	11.800	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	-572	11.228	BQ/DA ĐTXĐ/KV	
57	Cầu Kênh K26	Phước Xuân- Phước Thành	Kết cấu bê tông cốt thép			2024-2026	4624/QĐ-UBND/29/11/2023	12.388		12.388	1399/QĐ-UBND/26/09/2024	11.228	11.228	11.228	11.800	11.800	11.800	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	11.228	-572	11.228	BQ/DA ĐTXĐ/KV
58	Cải tạo năng cấp hạ tầng kỹ thuật từ số 01/UBND và UBND huyện	TT Phước Mỹ	Cải tạo			2024-2025	12334/QĐ-UBND/06/15/02/2024	850		850	13427/QĐ-UBND/06/12/2024	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	BQ/DA ĐTXĐ/KV
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							9.078	0	9.078		8.858	0	8.858	8.160	8.160	5.389	2.771	8.036	8.036	8.036	5.265	2.771	8.036	8.036	8.036	8.036	-124		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Mã số án đầu tư	Mã ngành kinh tế (toán)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện)			Kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh			Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)	Chủ đầu tư	Chú chú												
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh bổ sung	ĐTTT	Sử dụng đất				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh bổ sung	ĐTTT	Sử dụng đất								
																										Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:					
59	Xây dựng mới chợ Hòa Bình	Hòa Lạc	nhà lồng 1800m2+khô tươi 600kg 417m2+ hạ tầng kỹ thuật		2021-2023	2021-2023	2612/QĐ-UBND 05/07/2021	9.078	9078	8.858	8.858	3446/QĐ-UBND 14/10/2021	8.160	8.160	5.389	2.771	8.036	8.036	5.265	2.771	-124	BQLDA ĐTXDKV	HT										
V1	LINH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																																
60	1. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																																
60	Trụ sở UBND xã Phú An	Phú An	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+thư phòng kỹ thuật		2021-2023	2021-2023	1686/QĐ-UBND 30/07/2022	10.921	3.308	8.918	8.918	401/QĐ-SXD ngày 21/11/2022; 502/QĐ-SXD ngày 30/10/2023	43.370	43.370	43.370	0	42.908	42.908	0	42.908	0	1.788	1.788	1.989	2.257	2.257	2.257	2.257	2.257	0	BQLDA ĐTXDKV	HT	
61	Trụ sở UBND xã Phú Long	Phú Long	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+thư phòng kỹ thuật		2021-2023	2021-2023	2987/QĐ-UBND 15/12/2021	12.217	3.659	8.573	8.573	364/QĐ-SXD ngày 19/09/2022	43.370	43.370	43.370	0	42.908	42.908	0	42.908	0	1.788	1.788	1.989	2.257	2.257	2.257	2.257	2.257	0	BQLDA ĐTXDKV	HT	
62	Xây dựng mới và cải tạo Trụ sở UBND xã Long Hoà	Long Hoà	Xây mới hội trường+thư phòng kỹ thuật		2023-2025	2023-2025	5548/QĐ-UBND 18/11/2022	3.550	3.550	3.308	3.308	2020/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	3.308	3.308	3.308	0	2.800	2.800	0	2.800	0	0	0	3.308	3.308	3.308	3.308	3.308	3.308	3.308	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
63	Cải tạo nâng cấp Trụ sở UBND xã Phú Hiệp	Phú Hiệp	Xây mới phòng họp trực tuyến+ cải tạo trụ sở hiện tại		2023-2025	2023-2025	6834/QĐ-UBND 25/11/2022	3.593	3.593	3.463	3.463	2019/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	3.463	3.463	3.463	0	3.030	3.030	0	3.030	0	0	0	3.463	3.463	3.463	3.463	3.463	3.463	3.463	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
64	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Ván	Chợ Ván	Nhà làm việc+ nhà xe+ hội trường+thư phòng kỹ thuật		2024-2025	2024-2025	1394/QĐ-UBND 28/06/2021	4.371	1.190	3.122	3.122	339/QĐ-SXD ngày 24/07/2023	3.999	3.999	3.999	0	3.030	3.030	0	3.030	0	0	0	3.999	3.999	3.999	3.999	3.999	3.999	3.999	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
65	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Trung	Tân Trung	Nhà làm việc+ hội trường+thư phòng kỹ thuật		2022-2024	2022-2024	1994/QĐ-UBND 12/07/2021	4.693	3.460	3.074	3.074	270/QĐ-SXD ngày 25/07/2022	3.939	3.939	3.939	0	2.898	2.898	0	2.898	0	0	0	3.939	3.939	3.939	3.939	3.939	3.939	3.939	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
66	Hội trường UBND xã Phú Thành	Phú Thành	Hội trường		2021-2023	2021-2023	3778/QĐ-UBND 12/11/2021	3.459	0	3.140	3.140	94/QĐ-UBND 14/01/2022	3.140	3.140	3.140	0	2.898	2.898	0	2.898	0	0	0	3.140	3.140	3.140	3.140	3.140	3.140	3.140	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
67	Cải tạo Hội trường phòng nội vụ	TT Phú Mỹ	Cải tạo nhà kho+xây mới hội trường		2022-2023	2022-2023	092/QĐ-UBND 05/10/2022	988	0	988	988	3302/QĐ-UBND 4/07/2022	516	516	516	0	503	503	0	503	0	0	0	516	516	516	516	516	516	516	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
68	Cải tạo Phòng giáo dục cũ và Trường Tiểu Bộ	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc		2022-2023	2022-2023	4037/QĐ-UBND 21/12/2021	1.511	0	1.258	1.258	111/QĐ-UBND 07/10/2022	1.258	1.258	1.258	0	1.083	1.083	0	1.083	0	0	0	1.258	1.258	1.258	1.258	1.258	1.258	1.258	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
69	Cải tạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục đường xuyên	TT Phú Mỹ	Nhà làm việc		2022-2023	2022-2023	4088/QĐ-UBND 24/12/2021	1.302	0	1.088	1.088	96/QĐ-UBND 18/02/2022	1.088	1.088	1.088	0	1.083	1.083	0	1.083	0	0	0	1.088	1.088	1.088	1.088	1.088	1.088	1.088	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
70	Cải tạo sân chơi Trẻ sở UBND xã Phú Thọ	Phú Thọ	Nhà làm việc		2021-2022	2021-2022	3297/QĐ-UBND 16/09/2021	1.246	0	1.023	1.023	3450/QĐ-UBND 14/10/2021	1.023	1.023	1.023	0	1.018	1.018	0	1.018	0	0	0	1.023	1.023	1.023	1.023	1.023	1.023	1.023	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
71	Xây dựng mới văn phòng ấp Phú Mỹ Thượng, ấp Phú Mỹ Hạ	Phú Thọ	Nhà làm việc		2021-2022	2021-2022	3247/QĐ-UBND 31/08/2021	1.013	0	948	948	3453/QĐ-UBND 14/10/2021	948	948	948	0	859	859	0	859	0	0	0	948	948	948	948	948	948	948	0	BQLDA ĐTXDKV	HT
72	Xây dựng mới văn phòng ấp Phú Cường A, ấp Phú Đức A + Cải tạo, sửa chữa văn phòng ấp Phú Cường B	Phú Thành	Nhà làm việc		2021-2023	2021-2023	3287/QĐ-UBND 13/09/2021	1.289	0	1.210	1.210	3454/QĐ-UBND 14/10/2021	1.210	1.210	1.210	0	1.117	1.117	0	1.117	0	0	0	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	0	BQLDA ĐTXDKV	HT

